

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lập III - Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lập III – Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08/6/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành lập Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302536580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11/7/2022 về việc thay đổi thông tin trên thẻ căn cước công dân của người đại diện pháp luật Công ty.

Tên Công ty viết tắt: PENJICO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302536580 thay đổi lần thứ 18 ngày 11/7/2022 là 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã giao dịch: PEN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Nguyễn Sum	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/4/2024)
Ông Nguyễn Huy Nhân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/4/2024)
Ông Đào Quốc Hưng	Thành viên
Ông Trương Đăng Cảnh	Thành viên (Bầu bổ sung ngày 25/4/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên (Bầu bổ sung ngày 25/4/2024)

BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban
Ông Vũ Cường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/4/2024)
Ông Ngô Hồng Phi	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Minh	Thành viên (Bầu bổ sung ngày 25/4/2024)

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Giám đốc
Ông Dương Minh Trí	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/4/2024)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Thanh
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Số: 184/2024/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex được lập ngày 13/8/2024, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/6/2024, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và xem xét trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng với giá trị là 20.247.534.632 VND, trả trước cho người bán ngắn hạn với giá trị là 356.052.350 VND. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể ước tính được số dự phòng phải trích lập, nếu có. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục "Dự phòng nợ phải thu khó đòi" trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024 cũng như các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7.1 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đề cập đến nghĩa vụ nợ tiềm tàng phát sinh từ các vụ kiện chủ yếu diễn ra trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 mà Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex là nguyên đơn và bị đơn.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các vấn đề sau đây:

- Công ty chưa đánh giá giá trị có thể thu hồi được đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án đã tồn đọng từ các năm trước có tổng giá trị là 238.505.132 VND. Trong năm 2024, Công ty đã tiến hành đánh giá tổn thất đối với các dự án này và đã kết chuyển giá trị tổn thất tương ứng vào giá vốn hàng bán với tổng giá trị là 216.302.832 VND. Do vậy, vấn đề này không còn ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.
- Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và xem xét trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu trong năm 2023, tuy nhiên, vấn đề này chưa được Công ty xử lý trong năm 2024 và đã được chúng tôi trình bày trong đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”.



Bùi Thị Thủy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		213.541.391.806	235.364.179.386
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.240.733.147	35.031.621.704
1. Tiền	111		9.240.733.147	35.031.621.704
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.531.060.400	10.652.674.900
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	7.151.622.900	11.022.122.900
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(620.562.500)	(369.448.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.968.960.272	163.002.341.563
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	58.675.051.116	74.548.841.547
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	16.084.415.637	15.338.792.075
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	102.255.121.506	90.160.335.928
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(17.045.627.987)	(17.045.627.987)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	31.430.766.016	20.714.674.959
1. Hàng tồn kho	141		31.430.766.016	20.714.674.959
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.369.871.971	5.962.866.260
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	512.050.509	282.544.931
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.622.451.433	5.640.446.216
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	235.370.029	39.875.113
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		18.374.718.385	20.005.745.333
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		17.087.228.020	18.772.379.549
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	17.087.228.020	18.772.379.549
- Nguyên giá	222		88.679.518.464	88.679.518.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.592.290.444)	(69.907.138.915)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		1.025.754.049	1.025.754.049
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.025.754.049)	(1,025.754.049)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	-	-
1. Nguyên giá	231		252.156.600	252.156.600
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(252.156.600)	(252.156.600)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	400.000.000	400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(400.000.000)	(400.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.277.490.365	1.223.365.784
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.277.490.365	1.223.365.784
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		231.916.110.191	255.369.924.719

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		174.693.968.848	198.661.049.499
I. Nợ ngắn hạn	310		163.824.380.992	188.196.435.206
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	7.697.941.630	10.246.965.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	91.482.147.490	114.532.177.479
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	334.350.817	568.248.082
4. Phải trả người lao động	314		1.206.209.028	168.864.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	4.965.089.749	1.128.889.749
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	9.355.376.652	11.082.902.724
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	46.063.468.373	47.633.718.031
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	170.657.863	170.657.863
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.549.139.390	2.664.011.475
II. Nợ dài hạn	330		10.869.587.856	10.464.614.293
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	50.000.000	50.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	10.819.587.856	10.414.614.293
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		57.222.141.343	56.708.875.220
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	57.222.141.343	56.708.875.220
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.258.140.000	13.258.140.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.767.234.195	16.767.234.195
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.803.232.852)	(23.316.498.975)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(23.316.498.975)	(7.865.718.073)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		513.266.123	(15.450.780.902)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		231.916.110.191	255.369.924.719

Người lập biểu

Lê Thị Thùy

Lê Thị Thùy

Kế toán trưởng

Hoàng Trần Như Quỳnh

Hoàng Trần Như Quỳnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Thanh

Nguyễn Ngọc Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	104.084.146.776	44.044.037.071
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		104.084.146.776	44.044.037.071
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	95.334.381.375	41.844.958.318
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.749.765.401	2.199.078.753
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.146.096.691	529.708.148
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.915.461.579	2.374.720.456
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.635.031.010	3.384.351.384
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	292.611.907
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.739.783.427	6.520.383.493
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		240.617.086	(6.458.928.955)
11. Thu nhập khác	31	6.7	282.811.859	69.558.823
12. Chi phí khác	32	6.7	10.162.822	143.537.966
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	272.649.037	(73.979.143)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		513.266.123	(6.532.908.098)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		513.266.123	(6.532.908.098)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	103	(1.307)

Người lập biểu

Lê Thị Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Trần Như Quỳnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024	kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		513.266.123	(6.532.908.098)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.668.549.597	2.112.018.808
- Các khoản dự phòng	03		251.114.500	(1.178.154.700)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.790.866)	1.046.395
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(229.508.744)	(487.181.316)
- Chi phí lãi vay	06		2.635.031.010	3.384.351.384
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.835.661.620	(2.700.827.527)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.855.881.158	7.087.723.863
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.716.091.057)	(4.047.379.359)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22.686.932.471)	1.714.280.480
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(283.630.159)	574.156.504
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		3.870.500.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.635.031.010)	(3.384.351.384)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(98.270.153)	(731.494.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.857.912.072)	(1.487.892.090)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.000.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		229.508.744	487.181.316
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		229.508.744	1.487.181.316
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		45.178.865.942	40.139.279.623
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(46.344.142.037)	(48.752.862.685)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.165.276.095)	(8.613.583.062)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(25.793.679.423)	(8.614.293.836)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	35.031.621.704	12.258.993.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.790.866	(1.046.395)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	9.240.733.147	3.643.653.468

Người lập biểu

Thủy

Lê Thị Thủy

Kế toán trưởng

Quỳnh

Hoàng Trần Như Quỳnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



Thanh
 Nguyễn Ngọc Thanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex được thành lập theo Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08/6/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành lập Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302536580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11/7/2022 về việc thay đổi thông tin trên thẻ căn cước công dân của người đại diện pháp luật Công ty.

Tên Công ty viết tắt: PENJICO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302536580 thay đổi lần thứ 18 ngày 11/7/2022 là 50.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã giao dịch: PEN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 123 người (tại ngày 31/12/2023 là 124 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường Xây dựng công trình bờ kè, bến cảng Xây lắp bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu Xây lắp các công trình dầu khí Xây dựng các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, các bồn chứa dầu thực vật Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: công trình cấp thoát nước, xử lý rác thải, chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh Xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: công trình thủy lợi, công trình lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng Xây dựng nhà máy điện, trạm phát điện, lưới điện Thi công xây dựng thiết bị: các công trình hóa dầu, hóa chất; kho xăng, dầu, khí hóa lỏng công nghiệp và chung cư; cửa hàng xăng dầu; tuyến ống xăng dầu, khí hóa lỏng; công trình luyện kim, cơ khí chế tạo, công trình năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp vật liệu xây dựng, kho chứa vật tư; công trình tự động điều khiển; công trình chiếu sáng đô thị; hệ thống an toàn phòng chống cháy nổ; công trình xử lý chất thải, công trình cấp thoát nước; công trình nông nghiệp thủy lợi.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở Cho thuê kho bãi, nhà xưởng Cho thuê văn phòng, nhà ở Quản lý tòa nhà.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho các công trình điện hạ thế và chiếu sáng công cộng Bán buôn thiết bị phục vụ cho hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ bao gồm thi công xây lắp, và cung cấp vật tư, hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III – PETROLIMEX

2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân
 Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có Công ty liên kết như sau:

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
	Công ty liên kết					
1	Công ty TNHH Xây lắp Thương mại Điện máy Thăng Long	232 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh và phân phối đồ điện gia dụng	44,44%	44,44%	44,44%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/6/2024 như sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại Cần Thơ- Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex	522 Cách mạng tháng tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex tại Tp. Đà Nẵng	81 Lê Văn Hiến, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex tại thành phố Hà Nội	Số 3 phố Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex	2286 Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex - Xưởng cơ khí Bà Hom	356/5 Tinh Lộ 10, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Nhà máy gia công cơ khí Nhà Bè	Kho B – Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè, khu phố 7, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tiền gửi ngân hàng: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của chính Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2024.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 30/6/2024.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 30/6/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	05 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bản quyền bằng sáng chế và phần mềm máy vi tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính, trong vòng 05 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là nhà do Công ty nắm giữ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, trong vòng 15 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được phân bổ với thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Mua hàng hóa, dịch vụ chưa có hóa đơn: Trích trước căn cứ vào báo giá, hợp đồng có liên quan.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng bảo hành công trình xây lắp mà Công ty là nhà thầu.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ Ngân hàng và các cá nhân.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê hoạt động, và doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Giám đốc cho rằng rủi ro và tỷ lệ sinh lời của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang thực hiện, do vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chủ yếu được lập theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	553.518.379	359.789.132
Tiền gửi ngân hàng	8.687.214.768	34.671.832.572
Tổng	9.240.733.147	35.031.621.704

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III – PETROLIMEX2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2024 (VND)				01/01/2024 (VND)			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu		7.151.622.900		(620.562.500)		11.022.122.900		(369.448.000)
<i>Trong đó chủ yếu:</i>								
Các cổ phiếu được giao dịch trên sàn chứng khoán		6.811.340.000	6.712.429.500	(435.279.600)	10.681.840.000	12.122.849.400	(184.165.100)	
Tổng Công ty Phân bón và Hòa chất Dầu khí - CTCP (Mã giao dịch: DPM)	500	40.000.000	18.050.000	(21.950.000)	500	40.000.000	16.650.000	(23.350.000)
Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Mã giao dịch: PVD)	4.620	222.930.000	133.056.000	(89.874.000)	4.620	222.930.000	130.746.000	(92.184.000)
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (Mã giao dịch: REE)	2.692	86.000.000	168.519.200	-	2.341	86.000.000	132.968.800	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Mã giao dịch: STB)	60.905	1.874.548.000	1.754.064.000	(120.484.000)	905	20.548.000	25.340.000	-
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu VIPCO (Mã giao dịch: VIP)	2.289	81.800.000	29.757.000	(52.043.000)	2.289	81.800.000	26.094.600	(55.705.400)
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Mã giao dịch: VNM)	5.037	88.650.000	329.923.500	-	5.037	88.650.000	340.501.200	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (Mã giao dịch: VTO)	5.241	52.412.000	64.988.400	-	5.241	52.412.000	49.789.500	(2.622.500)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (Mã giao dịch: PIT)	10.896	73.500.000	64.286.400	(9.213.600)	10.896	73.500.000	63.196.800	(10.303.200)
Ngân hàng TMCP Á Châu (Mã giao dịch: ACB)	60.075	1.452.500.000	1.429.785.000	(22.715.000)	474.375	10.016.000.000	11.337.562.500	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (Mã giao dịch: SSI)	80.000	2.839.000.000	2.720.000.000	(119.000.000)				
Các cổ phiếu chưa niêm yết hoặc chưa được giao dịch trên sàn chứng khoán		340.282.900		(185.282.900)	340.282.900			(185.282.900)
Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An	850	59.000.000	(i)	-	850	59.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương	3.000	96.000.000	(i)	-	3.000	96.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng 41	17.900	185.282.900	(i)	(185.282.900)	17.900	185.282.900	(i)	(185.282.900)
Tổng		7.151.622.900	-	(620.562.500)		11.022.122.900	-	(369.448.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Relifood	7.198.679.392	8.823.663.697
Công ty TNHH TTCL Việt Nam	17.418.470.438	17.835.602.376
Phải thu các đối tượng khác (i)	34.057.901.286	47.889.575.474
Tổng	58.675.051.116	74.548.841.547
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>6.849.268</i>	<i>110.415.789</i>

- (i) Trong đó, khoản phải thu Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam với số dư tại ngày 30/6/2024 là 6.784.386.169 VND (tại ngày 01/01/2024: 6.784.886.169 VND) liên quan đến vụ kiện mà Công ty là Bên Nguyên đơn, chi tiết tại Thuyết minh 7.1.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tank Works Ltd	260.336.350	361.280.350
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Thái Khương	-	280.720.000
Vacono Aluminium Covers GmbH	-	2.237.662.452
L&J Technologies Inc.,	-	2.033.565.700
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Xuất nhập khẩu Mê Kông	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Sao Việt	3.797.838.000	2.109.910.000
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	2.540.417.145	982.308.087
Các đối tượng khác	9.485.824.142	6.333.345.486
Tổng	16.084.415.637	15.338.792.075
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>2.547.917.894</i>	<i>982.308.087</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	102.255.121.506	-	90.160.335.928	-
Tạm ứng cho nhân viên	8.112.517.124	-	4.541.180.060	-
Phải thu ông Trần Ngọc Hải và Bà Nguyễn Thị Phương tiền ủy quyền đầu tư (i)	18.493.840.000	-	18.493.840.000	-
Ký cược, ký quỹ, trong đó	67.077.044.742	-	66.033.443.424	-
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam (ii)	64.303.000.000	-	64.303.000.000	-
Các khoản khác	2.774.044.742	-	1.730.443.424	-
Phải thu khác	8.571.719.640	-	1.091.872.444	-
Dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Tổng	102.265.121.506	-	90.170.335.928	-

*Trong đó**Phải thu khác là các bên liên quan (trình bày lại)***18.493.840.000****-****18.493.840.000****-***(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)*

- (i) Theo Văn bản thỏa thuận ngày 27/9/2022, đây là khoản Công ty phải thu Ông Trần Ngọc Hải và Bà Nguyễn Thị Phương về việc ủy quyền đứng tên và tìm đối tác chuyển nhượng các quyền sử dụng đất tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, mà Công ty nhận được sau khi tất toán và thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/XL3-HE ngày 28/02/2022 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu về việc đầu tư dự án “Trung tâm thương mại dịch vụ Logistics tại khu vực Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Đồng Nai”.

Đồng thời, các Quyền sử dụng đất chưa được chuyển nhượng tính đến ngày 30/6/2024 được sử dụng là tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (nay là Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển), chi tiết tại Thuyết minh số 5.17.

- (ii) Trong đó, khoản ký quỹ để thực hiện Hợp đồng với Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam với số dư tại ngày 30/6/2024 là 64.303.000.000 VND (tại ngày 01/01/2024: 64.303.000.000 VND) liên quan đến vụ kiện mà Công ty là Bên Nguyên đơn, chi tiết tại Thuyết minh 7.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III – PETROLIMEX

2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân

Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6 Nợ xấu

	30/6/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng	16.363.115.244	60.000.000	(16.303.115.244)	16.363.115.244	60.000.000	(16.303.115.244)
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân	2.460.007.505	-	(2.460.007.505)	2.460.007.505	-	(2.460.007.505)
Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu	3.090.292.841	-	(3.090.292.841)	3.090.292.841	-	(3.090.292.841)
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	6.784.886.169	-	(6.784.886.169)	6.784.886.169	-	(6.784.886.169)
Các đối tượng khác	4.027.928.729	60.000.000	(3.967.928.729)	4.027.928.729	60.000.000	(3.967.928.729)
Phải thu khác	742.512.743	-	(742.512.743)	742.512.743	-	(742.512.743)
Các đối tượng khác	742.512.743	-	(742.512.743)	742.512.743	-	(742.512.743)
Tổng	17.105.627.987	60.000.000	(17.045.627.987)	17.105.627.987	60.000.000	(17.045.627.987)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	402.449.700	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	5.899.239.985	-	5.312.194.763	-
Công cụ, dụng cụ	310.876.410	-	364.118.846	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	24.357.304.971	-	14.518.713.233	-
Thành phẩm	267.542.666	-	326.295.833	-
Hàng hóa	193.352.284	-	193.352.284	-
Tổng	31.430.766.016	-	20.714.674.959	-

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công trình xây dựng kho xăng dầu, thiết bị thuộc Gói thầu số 11 tại Hải đội số 111, Bộ tư lệnh Cảnh sát biển	1.124.814.158	-	1.739.973.021	-
Thi công xây lắp và cung cấp thiết bị kho xăng dầu đoàn 175	4.575.142.011	-	4.497.480.103	-
Công trình kỹ thuật kho bộ và phân khu H7, H8 - Quân khu 4	1.019.608.770	-	3.462.386.327	-
Các công trình, dự án khác	17.637.740.032	-	4.818.873.782	-
Tổng	24.357.304.971	-	14.518.713.233	-

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	512.050.509	282.544.931
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	512.050.509	282.544.931
Dài hạn	1.277.490.365	1.223.365.784
Chi phí sửa chữa tài sản	759.179.810	652.634.490
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	518.310.555	480.207.761
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	90.523.533
Tổng	1.789.540.874	1.505.910.715

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	29.195.640.074	46.476.868.818	12.257.781.347	749.228.225	88.679.518.464
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	29.195.640.074	46.476.868.818	12.257.781.347	749.228.225	88.679.518.464
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	14.617.674.223	44.613.174.492	9.927.061.975	749.228.225	69.907.138.915
Tăng trong kỳ	745.322.630	619.425.068	320.403.831	-	1.685.151.529
Khấu hao trong kỳ	745.322.630	619.425.068	320.403.831	-	1.685.151.529
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	15.362.996.853	45.232.599.560	10.247.465.806	749.228.225	71.592.290.444
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	14.577.965.851	1.863.694.326	2.330.719.372	-	18.772.379.549
Tại ngày 30/6/2024	13.832.643.221	1.244.269.258	2.010.315.541	-	17.087.228.020

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 1.786.848.925 VND (tại ngày 01/01/2024: 2.152.350.841 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 46.590.558.950 VND (tại ngày 01/01/2024: 46.380.004.389 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Bảng phát minh sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	504.134.000	521.620.049	1.025.754.049
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	504.134.000	521.620.049	1.025.754.049
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	504.134.000	521.620.049	1.025.754.049
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	504.134.000	521.620.049	1.025.754.049
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	-	-	-
Tại ngày 30/6/2024	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 1.025.754.049 VND (tại ngày 01/01/2024: 1.025.754.049 VND).

5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	252.156.600	-	-	252.156.600
- Nhà	252.156.600	-	-	252.156.600
Giá trị hao mòn lũy kế	252.156.600	-	-	252.156.600
- Nhà	252.156.600	-	-	252.156.600
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-

Bất động sản đầu tư của Công ty là công trình nhà tại phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 60.000.000 VND và 15.303.168 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Xây dựng thương mại Nam Tây Đô	-	-	1.224.432.643	1.224.432.643
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Dầu khí Việt Nhật - VNJP	317.198.510	317.198.510	2.108.912.278	2.108.912.278
Phải trả cho các đối tượng khác	7.380.743.120	7.380.743.120	6.913.620.482	6.913.620.482
Tổng	7.697.941.630	7.697.941.630	10.246.965.403	10.246.965.403

5.13 Người mua trả tiền trước

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Miền Nam (i)	64.500.000.000	64.500.000.000
Bộ tư lệnh Cảnh sát biển	-	29.656.500.200
TotalEnergies Marketing (Cambodia) Co., Ltd.	5.750.348.644	9.203.127.519
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty xăng dầu Quân đội	9.264.924.300	-
Các đối tượng khác	11.966.874.546	11.172.549.760
Tổng	91.482.147.490	114.532.177.479

(i) Khoản người mua trả tiền trước liên quan đến vụ kiện mà Công ty là Bên Nguyên đơn, chi tiết tại Thuyết minh số 7.1.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2024
Phải nộp	568.248.082	1.000.454.359	1.234.351.624	334.350.817
Thuế giá trị gia tăng	532.649.221	176.690.018	578.835.820	130.503.419
Thuế thu nhập cá nhân	35.598.861	79.484.547	80.542.122	34.541.286
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	734.279.794	564.973.682	169.306.112
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Phải thu	39.875.113	27.844.067	223.338.983	235.370.029
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-	223.338.983	223.338.983
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	6.803.592	-	-	6.803.592
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	5.227.454	-	-	5.227.454
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	27.844.067	27.844.067	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Trích trước tiền thuê nhà tại số 232 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (i)	1.128.889.749	1.128.889.749
Trích trước chi phí mua vật liệu	3.836.200.000	-
Tổng	4.965.089.749	1.128.889.749

- (i) Đây là khoản trích trước tiền thuê nhà tại số 232 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ Quý 4 năm 2015 đến Quý 4 năm 2018. Trong giai đoạn này, căn nhà nêu trên được bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh quản lý. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty chưa nhận được thông báo chính thức của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về số tiền phải thực trả cho việc thuê nhà trong giai đoạn từ Quý 4 năm 2015 đến Quý 4 năm 2018.

5.16 Phải trả khác

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	9.355.376.652	11.082.902.724
Kinh phí công đoàn	630.881.989	728.503.649
Bảo hiểm xã hội	83.578.977	24.376.925
Bảo hiểm y tế	11.361.420	3.657.873
Bảo hiểm thất nghiệp	5.049.517	1.952.288
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	935.144.000	975.144.000
Cổ tức phải trả	7.267.500	7.267.500
Phải trả, phải nộp khác	7.682.093.249	9.342.000.489
Dài hạn	50.000.000	50.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	50.000.000	50.000.000
Tổng	9.405.376.652	11.132.902.724

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

- 40.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2024 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	46.063.468.373	46.063.468.373	39.833.451.486	41.403.701.144	47.633.718.031	47.633.718.031
<i>Vay ngắn hạn trong kỳ</i>						
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (i)	46.063.468.373	46.063.468.373	39.833.451.486	41.403.701.144	47.633.718.031	47.633.718.031
b) Vay dài hạn	10.819.587.856	10.819.587.856	5.345.414.456	4.940.440.893	10.414.614.293	10.414.614.293
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (iii)	1.206.104.776	1.206.104.776	-	568.977.000	1.775.081.776	1.775.081.776
Các khoản vay cá nhân (ii)	9.613.483.080	9.613.483.080	5.345.414.456	4.371.463.893	8.639.532.517	8.639.532.517
Tổng	56.883.056.229	56.883.056.229	45.178.865.942	46.344.142.037	58.048.332.324	58.048.332.324

Trong đó:

Vay các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

<i>Vay các bên liên quan</i>	<i>1.546.577.937</i>	<i>1.546.577.937</i>			<i>430.575.899</i>	<i>430.575.899</i>
------------------------------	----------------------	----------------------	--	--	--------------------	--------------------

- (i) Hợp đồng vay số 441/2023/0129/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 28/9/2023 với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (nay là Ngân hàng TMCP Thịnh Vương và Phát triển) - Chi nhánh Sài Gòn và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 441/2023/0129.01/PL-HĐTD ngày 15/12/2023, các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	150.000.000.000 VND, trong đó hạn mức vay vốn tối đa: 70.000.000.000 VND;
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng	12 tháng, từ ngày 28/9/2023 đến ngày 28/9/2024
Thời hạn của từng khoản vay	Không quá 9 tháng;
Lãi suất cho vay	Thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ;
Tài sản đảm bảo	Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bởi Ông Trần Ngọc Hải và bà Nguyễn Thị Phương; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bởi Công ty Cổ phần Xây lập III – Petrolimex; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Các khoản vay cá nhân là cán bộ công nhân viên trong Công ty với lãi suất 8,5%/năm.

(iii) Hợp đồng vay số 441.0070/2016/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 29/9/2016 với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (nay là Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển) - Chi nhánh Sài Gòn, các thông tin chi tiết như sau:

Mục đích vay
Thời hạn vay
Lãi suất cho vay
Tài sản đảm bảo

Đầu tư máy móc thiết bị dụng cụ thi công;
72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên;
8%/năm;

Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc thiết bị, dụng cụ thi công thuộc sở hữu của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	170.657.863	170.657.863
Tổng	170.657.863	170.657.863

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	50.000.000.000	13.258.140.000	16.767.234.195	(7.865.718.073)	72.159.656.122
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(15.450.780.902)	(15.450.780.902)
Số dư tại ngày 31/12/2023	50.000.000.000	13.258.140.000	16.767.234.195	(23.316.498.975)	56.708.875.220
Số dư tại ngày 01/01/2024	50.000.000.000	13.258.140.000	16.767.234.195	(23.316.498.975)	56.708.875.220
Lãi trong kỳ này	-	-	-	513.266.123	513.266.123
Số dư tại ngày 30/6/2024	50.000.000.000	13.258.140.000	16.767.234.195	(22.803.232.852)	57.222.141.345

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	1.500.000	30,00%	15.000.000.000	1.500.000	30,00%	15.000.000.000
Các cổ đông khác	3.500.000	70,00%	35.000.000.000	3.500.000	70,00%	35.000.000.000
Tổng	5.000.000	100,00%	50.000.000.000	5.000.000	100,00%	50.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	16.767.234.195	16.767.234.195

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**a. Ngoại tệ các loại**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đồng Đô La Mỹ (USD)	538,55	13.600.003	33.491,88	807.489.227

b. Tài sản thuê hoạt động

Tại ngày 30/6/2024, Công ty thuê hoạt động một số lô đất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các lô đất này có nguồn gốc từ Nhà nước cho thuê đất theo các Quyết định Giao đất của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố nơi đặt lô đất và Hợp đồng thuê đất có liên quan. Thông tin chi tiết các lô đất Công ty thuê hoạt động như sau:

- Lô đất đặt tại 356/6 Tỉnh lộ 10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 14.147,9 m², trong đó đối với diện tích 8.699 m² thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 120, bộ địa chính phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh: cho thuê 50 năm kể từ ngày 01/01/2011; đối với diện tích 5.448,9 thuộc quy hoạch công viên cây xanh và đất thuộc vi phạm lộ giới hẻm dự phóng 12m (phía Nam khu đất) tạm thời cho thuê cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, phải chấp hành giải tỏa di dời theo quy định. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.
- Lô đất đặt tại số 20/9 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với diện tích là 221,4 m². Thời hạn thuê: 20 năm kể từ ngày 04/6/2003 đến ngày 04/6/2023. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đang thực hiện thủ tục gia hạn thuê đất tại lô đất này theo quy định hiện hành.
- Lô đất đặt tại số 81 Lê Văn Hiến, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng với diện tích là 1.300 m². Thời hạn thuê: kể từ ngày 31/12/2022 đến ngày 30/12/2027. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (Tiếp theo)**b. Tài sản thuê hoạt động (Tiếp theo)**

- Lô đất đặt tại 16/8 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 2.460,2 m². Thời hạn thuê: 50 năm kể từ ngày Công ty đăng ký kinh doanh. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.
- Lô đất đặt tại thửa 85 tờ số 6 địa chính xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè với diện tích là 5.119,7 m². Trong đó, đối với diện tích 3.671,2 m² được áp dụng thời hạn thuê đến hết ngày 01/01/2046; đối với 1.448,5 m² phạm lộ giới tạm thời cho thuê cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, phải chấp hành giải tỏa di dời theo quy định. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng	9.081.504.400	11.727.063.399
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	4.247.580.537	4.365.131.246
Doanh thu hoạt động xây lắp	90.755.061.839	27.951.842.426
Tổng	104.084.146.776	44.044.037.071
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>364.996.020</i>	<i>440.101.534</i>

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 60.000.000 VND

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.159.629.882	11.100.285.171
Giá vốn cung cấp dịch vụ (i)	2.770.266.328	3.191.264.140
Giá vốn của hoạt động xây lắp (ii)	84.404.485.165	27.553.409.007
Tổng	95.334.381.375	41.844.958.318

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 15.303.168 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.559.144	54.953.916
Cổ tức, lợi nhuận được chia	215.949.600	432.227.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	67.977.081	42.526.832
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	2.790.866	-
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	2.845.820.000	-
Tổng	3.146.096.691	529.708.148

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.635.031.010	3.384.351.384
Chi phí đầu tư chứng khoán kinh doanh	29.001.735	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	314.334	14.436.398
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và đầu tư và đơn vị khác	251.114.500	(1.028.154.700)
Chi phí tài chính khác	-	4.087.374
Tổng	2.915.461.579	2.374.720.456
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lãi vay từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>29.115.827</i>	<i>62.185.225</i>

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	-	10.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	132.110.000
Chi phí bằng tiền khác	-	150.501.907
Tổng	-	292.611.907

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.181.105.048	5.118.853.556
Chi phí vật liệu quản lý	193.954.690	217.941.778
Chi phí đồ dùng văn phòng	112.186.932	99.539.844
Chi phí khấu hao TSCĐ	221.122.205	275.973.627
Thuế phí và lệ phí	515.043.261	(1.396.642.008)
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	(150.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.221.637.339	1.074.273.330
Chi phí bằng tiền khác	1.294.733.952	1.280.443.366
Tổng	8.739.783.427	6.520.383.493

6.7 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhập kho vật tư thừa sau kiểm kê	-	58.384.500
Tiền phạt chậm thanh toán nhận được	87.198.810	-
Các khoản khác	195.613.049	11.174.323
Tổng	282.811.859	69.558.823
Chi phí khác		
Tiền phạt vi phạm hành chính	10.141.154	92.431.675
Chi phí khác	21.668	51.106.291
Tổng	10.162.822	143.537.966
Lợi nhuận khác	272.649.037	(73.979.143)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	513.266.123	(6.532.908.098)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>10.141.154</i>	<i>92.431.675</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>10.141.154</i>	<i>92.431.675</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(218.740.466)</i>	<i>(432.227.400)</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>(215.949.600)</i>	<i>(432.227.400)</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền có gốc ngoại tệ</i>	<i>(2.790.866)</i>	-
Thu nhập chịu thuế	304.666.811	(6.872.703.823)
<i>Lỗ được kết chuyển</i>	<i>(304.666.811)</i>	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	(6.872.703.823)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng	-	-

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.746.866.221	15.724.459.753
Chi phí nhân công	11.369.448.734	6.164.282.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.668.549.597	2.112.018.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.672.406.410	1.916.556.245
Chi phí khác bằng tiền	3.180.811.247	1.867.476.961
Tổng	72.638.082.209	27.784.794.336

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	513.266.123	(6.532.908.098)
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	513.266.123	(6.532.908.098)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	103	(1.307)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các vụ kiện****a. Vụ kiện Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam**

Năm 2020, Công ty khởi kiện Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam (“Bên Bị đơn”) tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè - thành phố Hồ Chí Minh do tranh chấp Hợp đồng xây dựng. Theo đó, Công ty yêu cầu Bên Bị đơn thanh toán phần hạng mục Công ty đã hoàn thành đối với gói thầu “Cung cấp thiết bị và thi công xây lắp công trình” thuộc dự án Kho xăng dầu hàng không Miền Nam tại xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Vụ kiện đã được xét xử qua các cấp sơ thẩm, phúc thẩm với quyết định của Tòa án nhân dân các cấp tuyên buộc Bên Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho Công ty số tiền tương ứng với giá trị hạng mục Công ty đã hoàn thành là 6.784.886.169 VND cùng tiền lãi chậm trả phát sinh.

Ngày 02/6/2021, Bên Bị đơn đã có đơn đề nghị Giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân cấp cao thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm để xét xử lại.

Tại ngày Báo cáo tổng hợp giữa niên độ, Công ty chưa nhận được phán quyết cuối cùng của Tòa án. Do vậy, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (có thể có) từ việc Giám đốc thẩm vụ án tranh chấp hợp đồng xây dựng với Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam.

b. Tranh chấp tiền thuê nhà với Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2022, Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh (“Bên Nguyên đơn”) khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân Quận 4 - thành phố Hồ Chí Minh do tranh chấp tiền thuê tại địa điểm kinh doanh trước đây Công ty tại đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2015. Cụ thể, Bên Nguyên đơn cho rằng Công ty chưa thanh toán tiền thuê đầy đủ theo các thông báo tiền thuê và thay đổi tiền thuê nhà. Vụ kiện đã được xét xử qua các cấp sơ thẩm, phúc thẩm với quyết định của Tòa án nhân dân các cấp tuyên buộc Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền là 2.144.317.105 VND, trong đó bao gồm tiền chênh lệch giữa tiền thuê cũ và tiền thuê mới tổng giá trị là 2.120.032.137 VND; tiền phạt chậm trả là 24.284.968 VND.

Ngày 28/02/2023, Công ty đã gửi đơn đề nghị Giám đốc thẩm đến Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/6/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 16/2024/KDTM-GĐT, trong đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, Bản án phúc thẩm nêu trên và giao hồ sơ Vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo đúng quy định pháp luật. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, quá trình xét xử Vụ án đang được tiến hành.

7.2 Nợ tiềm tàng

Công ty chưa thực hiện được Hợp đồng thuê 14,147m2 đất thuộc thửa 725, tờ bản đồ số 8, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (trụ sở Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex - Xưởng cơ khí Bà Hom) với Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty đang tạm nộp tiền thuê đất của thửa đất nêu trên theo đơn giá và thông báo từ năm 2010. Ngày 23/11/2022, Công ty đã gửi Công văn đến Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hồ Chí Minh đề nghị được hướng dẫn việc xác định giá thuê đất để làm căn cứ ký hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên, đến ngày phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của các cơ quan hữu quan. Số tiền thuê đất có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức từ các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Trùng vàng	Có chung người quản lý chủ chốt
3	Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu	Có chung người quản lý chủ chốt
4	Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Có chung người quản lý chủ chốt
5	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
		VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản thù lao, lương, thưởng, và các khoản thu nhập khác	1.067.311.178	1.033.616.627

Chi tiết như sau:

Thu nhập của từng thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
		VND	VND
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch	215.300.000	214.800.000
Ông Nguyễn Sum	Nguyên thành viên	18.000.000	30.500.000
Ông Nguyễn Huy Nhân	Nguyên thành viên	126.252.718	131.025.295
Ông Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên	27.000.000	27.000.000
Ông Đào Quốc Hưng	Thành viên	27.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	9.000.000	-
Ông Trương Đăng Cảnh	Thành viên	9.000.000	-
Tổng		431.552.718	430.325.295

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)*Thu nhập của từng thành viên Ban Kiểm soát*

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban	92.162.338	108.000.000
Ông Vũ Cường	Nguyên thành viên	12.600.000	18.900.000
Ông Ngô Hồng Phi	Thành viên	18.900.000	18.900.000
Bà Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	6.300.000	-
Tổng		129.962.338	145.800.000

Thu nhập từng thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Giám đốc	196.428.850	195.533.038
Ông Dương Minh Trí	Phó Giám đốc	148.372.398	147.596.470
Bà Nguyễn Thị Phương	Phó Giám đốc	45.793.362	-
Bà Hoàng Trần Như Quỳnh	Kế toán trưởng	115.201.512	114.361.824
Tổng		505.796.122	457.491.332

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<u>Mua hàng</u>			6.896.315.966	54.841.988
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Có chung người quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa, vật tư	5.770.114.576	54.841.988
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Có chung người quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa, vật tư	1.126.201.390	-
<u>Bán hàng</u>			364.996.020	440.101.534
Công ty Cổ phần Công nghệ Trùng vàng	Có chung người quản lý chủ chốt	Cung cấp vật tư gia công	-	92.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Có chung người quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	364.996.020	348.101.534
<u>Giao dịch đi vay</u>			1.612.052.964	4.769.083.431
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch HĐQT	Phần nợ gốc Công ty nhận được	1.353.480.261	2.121.411.691
		Phần nợ gốc Công ty thanh toán	248.025.463	2.126.690.356
Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng Ban kiểm soát	Phần nợ gốc Công ty nhận được	10.547.240	29.964.456
		Phần nợ gốc Công ty thanh toán	-	79.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Giám đốc	Phần nợ gốc Công ty nhận được	-	283.621.928
		Phần nợ gốc Công ty thanh toán	-	128.395.000
<u>Chi phí tài chính</u>			29.115.827	62.185.225
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch HĐQT	Chi phí lãi vay	18.013.470	13.146.931
Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng Ban kiểm soát	Chi phí lãi vay	11.102.357	13.646.792
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Giám đốc	Chi phí lãi vay	-	35.391.502

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/6/2024</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2024</u> <u>VND</u>
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		6.849.268	110.415.789
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Có chung người quản lý chủ chốt	6.849.268	110.415.789
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>		2.547.917.894	982.308.087
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Có chung người quản lý chủ chốt	2.540.417.145	982.308.087
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Có chung người quản lý chủ chốt	7.500.749	-
<u>Phải thu khác ngắn hạn (trình bày lại)</u>		18.493.840.000	18.493.840.000
Bà Nguyễn Thị Phương	Phó Giám đốc	18.493.840.000	18.493.840.000
<u>Vay và nợ thuê tài chính</u>		1.546.577.937	430.575.899
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch HĐQT	1.270.503.267	165.048.469
Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban kiểm soát	276.074.670	265.527.430
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>		-	40.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Có chung người quản lý chủ chốt	-	40.000.000

7.4 Báo cáo bộ phận

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc đưa ra những quyết định quản lý của Công ty dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Mặt khác, rủi ro và tỷ suất sinh lời của các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty có sự khác biệt đáng kể và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong kỳ. Do vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh gồm: bán hàng hóa (vật liệu xây dựng, thiết bị, gas, hàng hóa khác); cung cấp dịch vụ; và hoạt động xây lắp. Mặt khác, tài sản và nợ phải trả của từng bộ phận không được Công ty trình bày do được dùng chung cho tất cả lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang thực hiện. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo các thị trường mà Công ty đang cung cấp dịch vụ bao gồm: Việt Nam, Myanmar, Campuchia.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (VND)			
	<u>Bán hàng hóa</u>	<u>Cung cấp dịch vụ</u>	<u>Xây lắp</u>	<u>Tổng</u>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	9.081.504.400	4.247.580.537	90.755.061.839	104.084.146.776
Giá vốn hàng bán	8.159.629.882	2.770.266.328	84.404.485.165	95.334.381.375
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	921.874.518	1.477.314.209	6.350.576.674	8.749.765.401

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (VND)			
	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	11.727.063.399	4.365.131.246	27.951.842.426	44.044.037.071
Giá vốn hàng bán	11.100.285.171	3.191.264.140	27.553.409.007	41.844.958.318
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	626.778.228	1.173.867.106	398.433.419	2.199.078.753

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (VND)		
	Việt Nam	Campuchia	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	95.232.883.114	8.851.263.662	104.084.146.776

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (VND)		
	Việt Nam	Campuchia	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	43.858.863.421	185.173.650	44.044.037.071

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày lại thông tin bên liên quan trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 nhằm đảm bảo số liệu của khoản mục phản ánh phù hợp với bản chất nghiệp vụ phát sinh và đảm bảo số liệu tại ngày 30/6/2024 có thể so sánh được. Các số liệu được trình bày lại như sau:

Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	01/01/2024	01/01/2024	Chênh lệch
	(Số đã báo cáo)	(Số trình bày lại)	
	VND	VND	VND
<i>Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3), trong đó:</i>	-	18.493.840.000	18.493.840.000
Bà Nguyễn Thị Phương	-	18.493.840.000	18.493.840.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu



Lê Thị Thủy

Kế toán trưởng



Hoàng Trần Như Quỳnh

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Thanh